

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 309/2024/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: 4 L, phường T, thành phố H, Thừa Thiên Huế.

- Chị Đinh Thị K, sinh năm 1978; địa chỉ: 4 L, phường T, thành phố H, Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 20/01/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Anh T1; sinh ngày 23/12/2006 và Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày: 26/11/2013. Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K thỏa thuận: Giao cháu T1 cho anh Nguyễn Văn T và giao cháu N cho chị Đinh Thị K trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận của anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, không trái pháp luật, nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (Ngày 15 tháng 5 năm 2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T1; sinh ngày 23/12/2006 cho anh Nguyễn Văn T và giao cháu Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày: 26/11/2013 cho chị Đinh Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K, mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003440 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh T.T.Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND xã Tân Ninh, h. Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
- (ĐKKH số 07 năm 2001)**
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Vinh Phú**